| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PT**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 307/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/11/2021
*Về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thành Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Đình Phùng
2. Ông Đặng Anh Đoan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký viên Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức:* Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2021/TLST- HNGĐ, ngày 09-03-2021 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về "*ly hôn và nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên toà số 111/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 16/7/2021; thông báo mở lại phiên toà số 22/TB-TA, ngày 25/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bích T, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp PL, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang. (đề nghị vắng mặt)

Bị đơn: Anh Đỗ Quốc T, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: tổ 16, ấp PCA, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải không được thì chị Võ Thị Bích T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên trước đây vào năm 2000 anh chị có tìm hiểu nhau một khoảng thời gian, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và có

đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang vào năm 2003 theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2016 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nhau. Lý do: vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày; thường xuyên cự cãi nhau về kinh tế gia đình và liên quan đến việc đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương, anh T không lo cho gia đình, nhậu say xỉn tối ngày nên không thể chung sống với nhau và ly thân từ đó cho đến nay. Nay cảm thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau lâu dài nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Quốc T.

Về quan hệ con chung: quá trình chung sống có 02 người con chung tên Đỗ Thị NN, sinh ngày 08/2/2002 đã lập gia đình sống riêng và Đỗ Võ Quốc H, sinh ngày 14/8/2009 hiện đang sống với chị T, nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Đỗ Võ Quốc H và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung: khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về quan hệ nợ phải thu phải trả: khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn anh Đỗ Quốc T vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử nên không có lời trình bày.*

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chị Võ Thị Bích T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn anh Đỗ Quốc T được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị T và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân thời gian dài không hàn gắn được phù hợp với xác nhận của ông Võ Thanh T trưởng ban ấp Phú CA, xã PT, huyện PT và bà Lê Thị H là mẹ ruột của anh T nên yêu cầu của chị T về xin ly hôn là có căn cứ pháp luật. Về con chung tên Đỗ Thị Ngọc N, sinh ngày 08/2/2002 đã lập gia đình sống riêng nên không đề cập xem xét, riêng đứa con tên Đỗ Võ Quốc H, sinh ngày 14/8/2009 hiện đang sống với chị T cần ổn định cuộc sống cho cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

*[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:*

*1.1 Về quan hệ tranh chấp*: chị Võ Thị Bích T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về "*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.2 Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn anh Đỗ Quốc T, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: tổ 16, ấp PCA, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

*1.3 Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Võ Thị Bích T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn anh Đỗ Quốc T được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX căn cứ Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh T.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị Bích T và anh Đỗ Quốc T có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 180/2003, ngày 14/10/2003 do UBND xã P T, huyện PT, tỉnh An Giang cấp cho anh chị) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập từ năm 2000 trên cơ sở tìm hiểu nhau tiến tới chung sống với nhau, thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi về đời sống hằng ngày; bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình; có hàn gắn chung sống lại nhưng hôn nhân không tồn tại và anh T, chị T bỏ nhà ra đi sống chỗ khác một thời gian dài không chung sống với nhau nên anh chị đã chính thức ly thân từ năm 2016 cho đến nay; thời gian ly thân anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời từ khi ly thân cho đến nay, cũng như từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của chị T phía anh T biết nhưng cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm; không còn quan tâm về hôn nhân này phù hợp với xác nhận của ông Võ Thanh T trưởng ban ấp PCA, xã PT, huyện PT và bà Lê Thị H là mẹ ruột của anh T nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị T xác nhận có 02 người con chung tên Đỗ Thị Ngọc N, sinh ngày 08/2/2002 đã lập gia đình sống riêng và Đỗ Võ Quốc H, sinh ngày 14/8/2009 hiện đang sống với chị T, nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Đỗ Võ Quốc H và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Từ khi ly thân cho đến nay cháu H chung sống với chị T được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định và ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác. Từ đó, xét thấy hoàn cảnh và điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chưa thành niên của chị T là đảm bảo cần giữ ổn định cuộc sống cho cháu H, phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên HĐXX chấp nhận giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên Đỗ Võ

Quốc H đến thành niên hoặc tự lập được theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Riêng đứa con tên Đỗ Thị Ngọc N đã trưởng thành và lập gia đình sống riêng nên không đặt ra xem xét. Đáng lẽ anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo luật định pháp luật nhưng chị T tự nguyện không yêu cầu, do đó anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của các con chung thời gian sau này mà chị T nuôi dưỡng không đảm bảo thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ, chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

*[3]. Về án phí DSST*: chị Võ Thị Bích T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*[4] Quyền kháng cáo:* chị Võ Thị Bích T và anh Đỗ Quốc T có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích T đối với anh Đỗ Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị Bích T được ly hôn với anh Đỗ Quốc T.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao người con chung tên Đỗ Võ Quốc H, sinh ngày 14/8/2009 cho chị Võ Thị Bích T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên và tự lập được; chị Võ Thị Bích T tự nguyện không yêu cầu anh Đỗ Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

2.2 Chị Võ Thị Bích T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Đỗ Quốc T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Chị Võ Thị Bích T phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001910, ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2 Anh Đỗ Quốc Trạng không phải chịu án phí.

Chị Võ Thị Bích T và anh Đỗ Quốc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trần Thành Thuận**